



Phụ lục số 15: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng  
Appendix 15: Report on change of Net Asset Value

(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012 TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoàn đổi danh mục)  
(Issued in association with Circular 229/2012 TT-BTC on 27 December 2012 guiding establishment and management of the Exchange Traded Fund)

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**  
**NET ASSET VALUE OF FUND**  
(tuần từ 7/6/2019 đến 13/6/2019)  
(Reporting period: from Jun 7th 2019 to Jun 13rd 2019)

1	Tên Công ty quản lý quỹ: Management Fund Company name:	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI SSI Asset Management Company Limited
2	Tên Ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3	Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ ETF SSIAM VNX50 SSIAM VNX50 ETF
4	Ngày lập báo cáo: Reporting Date:	Ngày 14 tháng 6 năm 2019 14/06/2019

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

STT NO	CHI TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 13/06/2019	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 06/06/2019
A	<b>Giá trị tài sản ròng</b> Net Assest Value		
A.1	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ</b> Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	150,839,962,289	154,496,780,349
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,246,611,258	1,276,832,895
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	12,466.11	12,768.32
A.2	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ</b> Net Asset Value (NAV) at the end of period		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	150,662,854,191	150,839,962,289
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,245,147,555	1,246,611,258
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	12,451.47	12,466.11
A.3	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó:</b> Change of NAV per Fund Certificate during period, in Which:		
	<i>Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ</i> <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	(14.64)	(302.21)
	<i>Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ</i> <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>		
A.4	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	154,729,451,787	154,729,451,787
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	113,870,695,767	113,870,695,767
B	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ</b> Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
B.1	<b>Giá trị đầu kỳ</b> Beginning period Value	12,400	12,800
B.2	<b>Giá trị cuối kỳ</b> Ending period Value	12,600	12,400
B.3	<b>Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước</b> Change of market value in the period in comparison to the last period	200	(400)
B.4	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ</b> Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)</i>	148.53	(66.11)
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) /hạng dư (+)) / Relative difference (discount(-) premium(+))</i>	1.18%	-0.53%
B.5	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> Highest/Lowest Market Value within latest 52 weeks		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	13,950	14,200
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	11,730	11,730



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành  
Ngô Thị Thu Cúc  
Phó Giám đốc



Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI

*Trần Thùy Linh*  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**